TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KIM THÀNH** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự Do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2018/HS-ST
Ngày 01-3-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sơn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đào Xuân Tìm

Bà Nguyễn Thị Quy

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Lưu Mạnh Hùng - Kiểm sát viên

Ngày 01 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 83/2017/TLST-HS ngày 11 tháng 12 năm 2017, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2018/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 02 năm 2018, đối với bị cáo:

Ngô Văn T, sinh năm 1988; nơi đăng ký thường trú, nơi sinh sống: Thôn C, xã L, huyện A, TP. Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Văn N và bà Đỗ Thị T; chung sống như vợ chồng với chị Nguyễn Thị H *(không đăng ký kết hôn)* và có một con sinh năm 2016;

Tiền án: Có hai tiền án.

- Tại Bản án số: 159/2012/HSST ngày 23/5/2012, Tòa án nhân dân quận quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội xử phạt bị cáo T 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, thời hạn tù tính từ ngày bắt giữ 28/02/2012.

- Tại Bản án số: 19/2013/HSST ngày 29/01/2013, Tòa án nhân dân quận Ba Đình, TP. Hà Nội xử phạt bị cáo T 24 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, thời hạn tù tính từ ngày bắt giữ 27/10/2012, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 27/10/2014.

Tiền sự: Không;

Bị tạm giữ, tạm giam tại Trại tạm giam Kim Chi - Công an tỉnh Hải Dương từ ngày 19/4/2017 đến nay; có mặt.

- *Người có quyền lợi liên quan:* Chị Lương Thị H, sinh năm 1992; nơi cư trú: Thôn C, xã L, huyện A, TP. Hải Phòng; có mặt

- *Người làm chứng:*

1. Anh Phan Văn T1, sinh năm 1988; nơi cư trú: Khu A, phường B, TP. H, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

2. Ông Đỗ Văn N, sinh năm 1953; nơi cư trú: Khu T, thị trấn P, huyện K, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

3. Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1960; nơi cư trú: Khu A, thị trấn P, huyện K, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ ngày 19/4/2017, Ngô Văn T đi xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Sirius biển số: 15B2 - xxx.xx từ xã L, huyện A, TP. Hải Phòng đến khu vực ga P, huyện K, tỉnh Hải Dương thì gặp anh Phan Văn T1 *(là bạn cùng đi bộ đội với T)*. Lúc này, anh T1 cùng một người bạn của anh T1 *(tự khai tên là Phạm Văn L, sinh năm 1986 ở 60 Đ, phường B, thành phố H, tỉnh Hải Dương)* đang ngồi uống nước ở một quán nước cạnh đường Quốc lộ 5, gần lối rẽ vào ga P, huyện K, tỉnh Hải Dương. Nhìn thấy T, anh T1 gọi T vào uống nước và giới thiệu T và L với nhau. Trong lúc ngồi uống nước, L nói với T là lưu hành tiền giả bị thua nhiều và hỏi T có tiền giả bán không? T bảo có và hỏi L muốn mua bao nhiêu? L nói mua hai mươi triệu tiền thật, T bảo hai mươi triệu mua được bốn mươi triệu tiền giả, L đồng ý. Thỏa thuận xong, T bảo L ngồi chờ T đi lấy tiền giả mang đến để bán cho L. Khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày, T đem theo tiền giả đi vào phố Y, thị trấn P, huyện K, tỉnh Hải Dương ở bên kia đường Quốc lộ 5, đối diện khu vực quán nước L và anh T1 ngồi. L thấy vậy liền đi bộ sang đường vào phố Y, anh T1 đi theo sau. T dựng xe mô tô và đi bộ ngược lại gặp L tại khu vực trước cửa nhà số 14, phố Y. Khi T lấy trong người bọc tiền giả để đưa cho L thì bị tổ công tác công an tỉnh Hải Dương phối hợp với công an thị trấn P, huyện K, tỉnh Hải Dương phát hiện, bắt quả tang, thu giữ trên tay Ngô Văn T 01 bọc giấy báo bên trong có 02 tập tiền Polyme loại mệnh giá 200.000 Việt Nam đồng, mỗi tập có 100 tờ, tổng số 200 tờ, gồm: 92 tờ mã hiệu DJ 37486252; 98 tờ mã hiệu DJ 37486259; 02 tờ mã hiệu EY 17416718; 03

tờ mã hiệu EY 17416719; 04 tờ mã hiệu GF 42613373 và 01 tờ mã hiệu AT 05515829.

Cơ quan điều tra tiến hành trưng cầu giám định toàn bộ số tiền thu giữ đã niêm phong khi bắt quả tang Ngô Văn T. Kết quả: Tại Bản kết luận giám định số: 25/KLGĐ ngày 20/4/2017, Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hải Dương, kết luận: 200 tờ giấy bạc mệnh giá 200.000 Việt Nam đồng ký hiệu từ A1 đến A200 gửi giám định đều là tiền giả.

Quá trình điều tra, giai đoạn ban đầu khi bị tạm giữ, Ngô Văn T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nêu trên và khai về nguồn gốc số tiền giả của T có được là vào khoảng tháng 3/2017, T mua bốn mươi triệu tiền giả nêu trên của một người đàn ông ở khu vực cổng chợ K, TP. M, tỉnh Quảng Ninh với số tiền mười tám triệu đồng tiền thật, mục đích mua về để bán lại với giá cao hơn để kiếm lời. Sau đó, T đã thay đổi lời khai. Lúc thì T khai số tiền giả nói trên là của anh Phan Văn T1 đưa cho T xem và bảo T kết hợp làm ăn với T1; sau đó T lại khai số tiền giả này là của một người đàn ông *(T không khai ra người này là ai, ở đâu)* do T gọi điện liên lạc bảo mang tiền giả đến để ở trong ngõ trước số nhà 14, phố Y từ trước. Ngoài ra, T thay đổi lời khai T1 mới là người người chủ động gọi điện thoại hẹn gặp T ở thị trấn P nói chuyện và đặt vấn đề mua tiền giả với T chứ không phải là L.

Tại bản cáo trạng số: 83/VKS-HS ngày 08/12/2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương truy tố bị cáo Ngô Văn T về tội Lưu hành tiền giả theo khoản 2 Điều 180 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị: Tuyên bố bị cáo Ngô Văn T phạm tội Lưu hành tiền giả. Áp dụng khoản 2 Điều 180, điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo Ngô Văn T từ 08 năm đến 08 năm 06 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 19/4/2017. Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 4 Điều 180 của Bộ luật Hình sự. Phạt tiền bị cáo Ngô Văn T từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng nộp vào Ngân sách Nhà nước. Về vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 1 và khoản 2 Điều 41 của Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu cho tiêu hủy 200 tờ tiền giả, loại polime mệnh giá 200.000 đồng *(đã niêm phong)* được hoàn lại sau giám định. Trả lại cho bị cáo Ngô Văn T: 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, biển số: 15B2 - xxx.xx, kèm đăng ký xe mang tên Ngô Văn T; 01 ví da màu đen bên trong có: 01 chứng minh nhân dân, 01 giấy phép lái xe, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe mô tô và 01 thẻ ATM Vietcombank đều mang tên Ngô Văn T, 01 thẻ BigC; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280 có lắp sim; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu vàng

có lắp sim; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1110i có lắp sim và số tiền 144.000 đồng. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Buộc bị cáo Ngô Văn T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa, bị cáo Ngô Văn T khai không thực hiện hành vi phạm tội theo như bản cáo trạng đã nêu, không thừa nhận hành vi phạm tội của mình; những lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra đều không đúng do bị cáo nhiều lần bị nhiều cán bộ ép cung, đánh đập buộc khai nhận hành vi phạm tội. Ngoài ra, bị cáo khai có chứng cứ ghi hình xác định hành vi phạm tội của Phan Văn T1, bị cáo chưa cung cấp mà sẽ sử dụng để tố cáo sau. Bị cáo xác định chiếc xe máy Sirius, biển số: 15B2 - xxx.xx là của chị Lương Thị H, đề nghị trả lại cho chị H. Chị Lương Thị H đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quá trình điều tra, bị cáo khai nhiều lần bị nhiều cán bộ ép cung, đánh đập tại nơi bắt giữ bị cáo, tại trụ sở Công an tỉnh Hải Dương và tại Trại tạm giam Kim Chi. Tuy nhiên, căn cứ vào biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 19/4/2017 có nhiều người làm chứng xác nhận; phiếu khám sức khỏe ngày 20/4/2017 xác định sức khỏe của bị cáo bình thường; các biên bản ghi lời khai, hỏi cung, đối chất do cán bộ Công an tỉnh Hải Dương, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương và Công an huyện Kim Thành tiến hành làm việc với bị cáo tại trụ sở Công an tỉnh Hải Dương và Trại tạm giam Kim Chi, bị cáo đều ký nhận và công nhận nội dung đúng, không bị đánh, ép cung. Vì vậy, việc bị cáo khai bị đánh đập, ép cung là không có căn cứ. Như vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử là hợp pháp.

[2] Tại Biên bản bắt người phạm tội quả tang lập ngày 19/4/2017 và các bản tường trình, bản tự khai do bị cáo viết ngày 19/4/2017, 20/4/2017, 21/4/2017 xác định: Khoảng 15 giờ 30 ngày 19/4/2017, tại phố Y, thị trấn P, huyện K, tỉnh Hải Dương, Ngô Văn T đã bán 40.000.000 tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam giả, cho đối tượng Phạm Văn L với giá 20.000.000 đồng, thì bị phát hiện và bị bắt quả tang. Vật chứng thu giữ được gồm 200 tờ tiền giả Việt Nam đồng, loại tiền Polime mệnh giá 200.000 đồng. Lời khai này của bị cáo phù hợp với các lời khai ban đầu của bị cáo tại giai đoạn tạm giữ, lời khai của người làm chứng và vật chứng thu giữ được. Ngoài ra, tại đơn xin đầu thú, bản tự khai

do bị cáo viết ngày 23/5/2017 và ngày 25/5/2017, xác định: Bị cáo là người bán 40.000.000 đồng tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam giả, cho Phan Văn T1 với giá 20.000.000 đồng *(Không phải bán cho Phạm Văn L)*; tại phiên tòa, bị cáo xác định đơn xin đầu thú do bị cáo tự nguyện viết và gửi Ban giám thị Trại tạm giam Kim Chi. Bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi Lưu hành tiền giả là trái pháp luật, nhưng vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Như vậy, có đủ căn cứ kết luận bị cáo Ngô Văn T phạm tội Lưu hành tiền giả theo quy định tại Điều 180 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Bị cáo lưu hành 40.000.000 đồng tiền giả nên phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng được quy định tại khoản 2 Điều 180 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương truy tố bị cáo về tội phạm trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, đã xâm hại trật tự quản lý kinh tế, xâm phạm hoạt động phát hành, lưu hành, quản lý tiền tệ của Nhà nước. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo khai báo quanh co, liên tục thay đổi lời khai, không thành khẩn khai báo nên không được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Vì vậy, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự do hành vi cố ý đã gây ra và phải chịu một hình phạt theo quy định của Bộ luật Hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Không có. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà lại phạm tội do cố ý nên phải chịu tình tiết tăng nặng tái phạm nguy hiểm được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

[4] Xét tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, cần xử phạt nghiêm khắc và áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[5] Về hình phạt bổ sung: Ngoài việc áp dụng hình phạt về nhân thân đối với bị cáo, Tòa án còn áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo theo quy định tại khoản 4 Điều 180 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

[6] Về vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra quản lý 200 tờ tiền giả, loại Polyme mệnh giá 200.000 đồng. Tiền giả bị Nhà nước cấm lưu hành nên tịch thu cho hủy bỏ. Ngoài ra, Cơ quan điều tra còn quản lý: 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, biển số: 15B2-xxx.xx; 01 ví da màu đen bên trong có: 144.000 đồng, 01 chứng minh nhân dân, 01 giấy phép lái xe, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm xe mô tô và 01 thẻ ATM Vietcombank đều mang tên Ngô Văn T, 01 thẻ mua hàng BigC; 03 chiếc điện thoại di động có lắp sim kèm theo *(gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu vàng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1110i)*. Toàn

bộ số đồ vật, tài sản này là của Ngô Văn T. Tại phiên tòa, bị cáo T xác định chiếc xe máy là tài sản của chị H. Tuy nhiên, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ, lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, Giấy chứng nhận đăng ký xe mang tên bị cáo và lời khai của chị H, đủ căn cứ xác định chiếc xe máy là tài sản thuộc quyền sở hữu của bị cáo. Tài liệu điều tra, không đủ căn cứ xác định bị cáo sử dụng chiếc xe máy và điện thoại nêu trên vào việc phạm tội. Vì vậy, trả lại cho bị cáo T toàn bộ số đồ vật, tài sản nêu trên.

[7] Trong vụ án này, bị cáo Ngô Văn T có lời khai xác định Phan Văn T1 là người mua tiền giả của bị cáo, có lời khai lại xác định T1 mới là người bán tiền giả. Tại phiên tòa, bị cáo xác định có chứng cứ ghi hình nhưng không xuất trình được. Cơ quan điều tra đã tiến hành cho đối chất nhưng T1 không thừa nhận. Ngoài lời khai duy nhất của bị cáo, không có chứng cứ nào khác xác định T1 có hành vi phạm tội. Cơ quan Cảnh sát điều tra không có đủ căn cứ để xử lý đối với T1, khi nào có căn cứ sẽ xem xét xử lý sau.

[8] Đối với đối tượng mua tiền giả, khi bị bắt quả tang tự khai là Phạm Văn L, sinh năm 1986, trú tại số nhà 60, phố Đ, phường B, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Trong quá trình làm việc tại trụ sở Công an thị trấn P, huyện K, tỉnh Hải Dương, L đã trốn khỏi trụ sở làm việc. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh, truy tìm nhưng không xác định được, khi nào xác minh rõ sẽ xử lý sau.

[9] Về án phí: Bị cáo bị kết luận phạm tội, nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 2 và khoản 4 Điều 180, điểm g khoản 1 Điều 48, điểm c khoản 1 và khoản 2 Điều 41 của Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm a khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Tuyên bố bị cáo Ngô Văn T phạm tội Lưu hành tiền giả.

2. Xử phạt bị cáo Ngô Văn T 08 năm 06 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 19/4/2017.

3. Về hình phạt bổ sung: Phạt tiền bị cáo Ngô Văn T 20.000.000 đồng nộp vào Ngân sách Nhà nước.

4. Về vật chứng:

- Trả lại cho bị cáo Ngô Văn T: 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, biển số: 15B2-xxx.xx, kèm đăng ký xe mang tên Ngô Văn T; 01 ví da màu đen bên trong có: 01 chứng minh nhân dân, 01 giấy phép lái xe, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe mô tô và 01 thẻ ATM Vietcombank đều mang tên Ngô Văn T, 01 thẻ BigC; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280 có lắp sim; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu vàng có lắp sim; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1110i có lắp sim và số tiền 144.000 đồng.

- Tịch thu cho tiêu hủy 01 phong bì niêm phong của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hải Dương *(bên trong có 200 tờ tiền giả, loại polime mệnh giá 200.000 đồng)* được hoàn lại sau giám định.

(Vật chứng và số tiền được bảo quản tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương và có đặc điểm theo như Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản lập ngày 28/02/2018 giữa Công an huyện Kim Thành và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành).

5. Về án phí: Buộc bị cáo Ngô Văn T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi liên quan có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi của mình, trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm./.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Trại tạm giam Kim Chi - Công an tỉnh Hải Dương;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan Thi hành án hình sự - Công an huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, hồ sơ thi hành án hình sự, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Sơn